

令和3年度

神奈川県高校生等奨学給付金

(家計急変世帯対象給付・国公立)

授業料以外の教育費を支援する返還不要の給付金(申請必要)

家計急変により保護者全員の年収見込が非課税相当となった世帯が対象

1 申請できる方 次の要件のすべてを満たす必要があります。

(1) 家計急変による経済的理由により、保護者全員の年収見込が住民税所得割非課税相当になったと認められること。

<住民税所得割非課税に相当する年収見込> 9名扶養以上の場合はお問合せください。

扶養人数	0名扶養	1名扶養	1名扶養 ※ひとり親世帯	2名扶養	3名扶養
①個人事業者	450,000円以下	1,120,000円以下	1,350,000円以下	1,470,000円以下	1,820,000円以下
②給与所得者	1,000,000円未満	1,700,000円未満	2,042,857円未満	2,214,286円未満	2,714,286円未満
扶養人数	4名扶養	5名扶養	6名扶養	7名扶養	8名扶養
①個人事業者	2,170,000円以下	2,520,000円以下	2,870,000円以下	3,220,000円以下	3,570,000円以下
②給与所得者	3,214,286円未満	3,700,000円未満	4,137,500円未満	4,575,000円未満	5,012,500円未満

- 保護者が複数いる場合は、それぞれの保護者について年収見込を確認してください。
- 個人事業者は、家計急変後の年収見込(売上ー必要経費)が①に該当すること。
- 給与所得者は、家計急変後の年収見込(通勤手当を除く給与収入)が②に該当すること。
- 保護者全員の令和3年度の住民税の所得割が非課税である世帯、または令和3年7月1日現在、対象となる高校生等が生活保護(生業扶助)を受給している世帯は通常給付でお申込みください。

Niên Khóa 2021

QUỸ HỖ TRỢ KHUYẾN HỌC TỈNH KANAGAWA DÀNH CHO HỌC SINH BẬC KOKO

(Chu cấp cho các đối tượng thuộc hộ có tình cảnh kinh tế gia đình bị đột biến / Các trường công lập)

Đây là tiền phụ cấp không hoàn trả lại, sử dụng cho các chi phí giáo dục, trừ học phí (cần đăng ký)

Đối tượng là các hộ mà thu nhập phụ huynh sút giảm mạnh đến mức khỏi chịu thuế do sinh kế gia đình đột biến

1 Người có thể nộp đơn: Phải hội đủ các điều kiện sau đây

(1) Người được xem là gia đình có dự kiến thu nhập hàng năm tương đương với gia đình được miễn thuế cư dân do kinh tế gia đình bị đột biến.

< Ví dụ về dự kiến thu nhập hàng năm tương đương với gia đình được miễn thuế cư dân >

Trường hợp có hơn 9 người phụ thuộc kinh tế vào bạn, xin liên lạc để hỏi cho rõ

Số người thân phụ thuộc kinh tế	Không có	1 người	1 người ※hộ không cha hoặc không mẹ	2 người	3 người
① lương kinh doanh	Dưới 450,000yen	Dưới 1,120,000yen	Dưới 1,350,000yen	Dưới 1,470,000yen	Dưới 1,820,000yen
② lương hăng	Chưa đến 1,000,000yen	Chưa đến 1,700,000yen	Chưa đến 2,042,857yen	Chưa đến 2,214,286yen	Chưa đến 2,714,286yen
Số người thân phụ thuộc kinh tế	4 người	5 người	6 người	7 người	8 người
① lương kinh doanh	Dưới 2,170,000yen	Dưới 2,520,000yen	Dưới 2,870,000yen	Dưới 3,220,000yen	Dưới 3,570,000yen
② lương hăng	Chưa đến 3,214,286yen	Chưa đến 3,700,000yen	Chưa đến 4,137,500yen	Chưa đến 4,575,000yen	Chưa đến 5,012,500yen

- Nếu có phụ huynh hơn 1 người thì hãy kiểm tra dự kiến thu nhập hàng năm của các phụ huynh.
- Nếu là người nhận lương kinh doanh, dự kiến thu nhập hàng năm (tổng thu nhập - tổng kinh phí) của sau khi kinh tế gia đình bị đột biến, phải áp dụng vào trường hợp ①.
- Nếu là ăn lương hăng, dự kiến thu nhập hàng năm (tổng số lương đã nhận trừ đi chi phí giao thông) của sau khi kinh tế gia đình bị đột biến, phải áp dụng vào trường hợp ②.
- Nếu là gia đình mà tất cả phụ huynh được miễn thuế cư dân - tài khóa năm 2021, hoặc nếu là gia đình, ở thời điểm 1/7/2021 có học sinh bậc Koko là đối tượng hỗ trợ, đang nhận trợ cấp xã hội, thì sẽ phải làm đơn theo quy trình thông thường.

(2) 保護者の方が認定基準日に神奈川県内に住所を有していること。

- 神奈川県外在住の場合は、お住まいの都道府県へお問合せください。

(3) 対象となる高校生等が認定基準日に高等学校等に在籍していること。

- 高校生等とは、就学支援金、学び直し支援金又は専攻科支援金の受給資格を有する生徒です。

- 高校生等に生活保護(生業扶助)が措置されている場合は支給対象外となります。

- 高校生等が児童福祉施設(母子生活支援施設を除く。)に入所又は里親に養育されており、見学旅行費又は特別育成費が措置されている場合は支給対象外となります。

- 高等学校等とは、高等学校(別科を除く。)、中等教育学校(後期課程)、高等専門学校(第1学年から第3学年まで)、専修学校及び各種学校のうち高等学校の課程に類する課程を置くものをいいます。 ※高等学校及び中等教育学校(後期課程)の専攻科を含みます。

◆ 認定基準日

- ・ 令和3年7月1日以前に家計が急変した場合は、令和3年7月1日が認定基準日となります
- ・ 令和3年7月2日以降に家計が急変した場合は、家計が急変した月の翌月(家計が急変した日が月の初日である場合は、家計が急変した月)の1日が認定基準日となります。

2 申請期限 令和3年12月15日(水)

※ 書類審査がありますので、お早めにご提出ください。

- 高校生等を複数扶養している場合は、それぞれの高校生等について申請が必要です。

3 支給時期 申請した月の2箇月後の末頃を予定 (例)7月申請⇒9月末頃支給

- 申請が集中した場合は、支給時期が遅くなる場合があります。

4 申請書提出先 認定基準日現在に在学する(していた)学校の事務室

- 神奈川県外の国公立学校に在学の場合は、申請書裏面に学校の証明を受けた後、直接、神奈川県教育委員会財務課高校奨学金グループ 〒231-8588 横浜市中区日本大通1 ☎045-210-8251(直通)へ申請してください。

(2) Là phụ huynh có địa chỉ trong tỉnh Kanagawa ở ngày chứng nhận quy chuẩn.

- Trường hợp cư trú ở ngoài tỉnh Kanagawa, hãy hỏi cơ quan hành chính nơi sinh sống.

(3) Là học sinh bậc Koko - đối tượng hỗ trợ, hiện đang theo học tại một trường bậc Koko ở ngày chứng nhận quy chuẩn

- Các học sinh bậc Koko là tên gọi dùng để chỉ các học sinh có tư cách nhận lãnh các loại quỹ để đi học như: Quỹ Hỗ Trợ Học Đường (Shugaku Shien-kin), Quỹ Hỗ Trợ Đi Học Lại (Manabinaoshi Shien-kin) và Quỹ Hỗ Trợ Chuyên Khoa (Senkoka Shien-kin).
- Sẽ không thành đối tượng chu cấp nếu trong trường hợp học sinh koko v.v. nhận tiền trợ cấp (trợ cấp sinh hoạt)
- Một số học sinh bậc Koko sẽ không được xếp vào đối tượng hỗ trợ vì đang nhận các loại phí như: phí du lịch học tập (見学旅行費) hoặc phí dưỡng dục đặc biệt (特別育成費); đó là trường hợp các học sinh Koko đang ở trong cơ quan Phúc Lợi Nhi Đồng (Jido Fukushi Shisetsu; không tính ở các Trung Tâm Hỗ Trợ Mẹ và Con - Boshi Seikatushien-shisetsu), hoặc đang được cha mẹ nuôi dưỡng.
- Các loại trường bậc Koko là tên gọi các loại trường bao gồm: các trường Koko bình thường (Kotogakko; trừ trường biệt khoa-Bekka), trường Giáo Dục Trung Đẳng (Chuto Kyoiku Gakko; Koki Katei - Khóa trình hậu kỳ), trường Cao Đẳng Chuyên Môn (Koto Semmon Gakko; Năm thứ 1 đến năm thứ 3), trường Chuyên Tu (Senshu Gakko) và các loại trường trong đó có khóa trình thuộc bậc trung học cấp III.
 - ※ Trong đó bao gồm cả khóa chuyên khoa của các trường Kotogakko và các trường Giáo Dục Trung Đẳng (Chuto Kyoiku Gakko; Koki Katei - Khóa trình hậu kỳ).

◆ Ngày Chứng Nhận Quy Chuẩn

- Trường hợp kinh tế gia đình bị đột biến cho đến ngày 1/7/2021, thì ngày 1/7/2021 sẽ tính là Ngày Chứng Nhận Quy Chuẩn.
- Trường hợp kinh tế gia đình bị đột biến từ ngày 2/7/2021 trở về sau, thì ngày 1 tháng kế tháng mà kinh tế gia đình bị đột biến sẽ tính là Ngày Chứng Nhận Quy Chuẩn (Trường hợp ngày mà kinh tế gia đình bị đột biến nằm ngay ngày đầu tháng, thì tính ngay tháng mà kinh tế gia đình bị đột biến).

2 THỜI HẠN NỘ ĐƠN: Ngày 15 tháng 12 năm 2021 (thứ Tư)

※ Sẽ có việc xét duyệt qua giấy tờ, vì vậy hãy nhanh chóng nộp đơn.

- Khi phải nuôi dưỡng nhiều học sinh bậc Koko, thì cần phải làm đơn cho từng em học sinh bậc Koko đó.

3 NGÀY CHU CẤP: Dự định là cuối tháng thứ hai sau khi nộp đơn

(Ví dụ) Tháng 7 nộp đơn => cuối tháng 9 sẽ chu cấp

- Trong trường hợp đơn xin bị tập trung nộp quá nhiều, thì ngày chu cấp có thể bị trễ.

4 NƠI NỘ ĐƠN: Tại văn phòng nhà trường đang (đã) theo học vào Ngày Chứng Nhận Quy Chuẩn

- Trường hợp đang theo học tại một trường công lập ở ngoài tỉnh Kanagawa, thì sau khi lấy được dấu chứng minh của nhà trường ở mặt sau tờ đơn, xin đem nộp trực tiếp cho phòng nhận đơn dưới đây.

神奈川県教育委員会財務課高校奨学金グループ 〒231-8588 横浜市中区日本大通1
☎045-210-8251(直通)

5 支給条件 授業料以外の教育費に係る費用に対して支給します

- 授業料以外の教育費（教科書費、教材費、学用品費、通学用品費、校外活動費、生徒会費、PTA会費、入学用品費、修学旅行積立金等）に係る費用に対して支給しますので、学校納付金に未済がある場合は、奨学給付金支給額を未済額に充当します。
- 授業料以外に学校へ納付するPTA会費等の納付金に未済がないことについて学校長の確認が必要となります。

6 支給額

- ・ 世帯区分、在学する学校の課程及び家計急変の発生した日により支給額が異なります
- ・ 「対象者及び給付額確認シート」を参照してください

- 対象となる高校生等1人あたりの給付額（※）

※ 7月2日以降に家計急変した場合は、認定基準日以降の月数に応じた月割額

世帯区分		全日制 定時制	通信制	専攻科
15歳以上23歳未満の 扶養されている兄弟姉妹が	いない	110,100円	48,500円	48,500円
	いる	141,700円		

7 提出書類

- ・ (1)～(8)に記載してある書類を提出してください
- ・ 提出前に漏れや必要書類の漏れがないことを確認してください
- ・ 不備があると支給が遅くなります

(1) 高校生等奨学給付金（家計急変）受給申請書（第1号様式の2）

(2) 振込先口座を確認できる書類（預貯金通帳のコピー等）

- 振込先口座の金融機関名、支店名、預金種別（普通口座又は貯蓄口座）、口座番号及び口座名義人(カナ)がわかる部分の通帳のコピー等を提出してください。

※ 通帳の表紙の裏に記載されていることが多いです。

5 ĐIỀU KIỆN CHU CẤP:

Chu cấp cho các phí dụng liên hệ đến phí học tập ngoài tiền học phí.

- Việc chu cấp sẽ dành cho các phí dụng liên hệ đến phí giáo dục ngoài tiền học phí (gồm các loại phí như: tiền sách giáo khoa, tiền tài liệu học tập, tiền học cụ, tiền vật dụng để đi học, tiền hoạt động ngoại khóa, tiền Hội Học Sinh, tiền Hội Phụ Huynh và Thầy Cô - PTA, tiền vật dụng khi nhập học, tiền góp cho cuộc du lịch học tập v.v...), do đó, trong trường hợp có những tiền phí phải nộp cho nhà trường, mà chưa kịp nộp, thì tiền chu cấp của Quỹ Khuyến Học Hỗ Trợ này sẽ được sử dụng để bù vào phần chưa nộp đó.
- Về việc không thiếu các phần tiền phải nộp cho nhà trường, chẳng hạn như tiền Hội Phụ Huynh và Thầy Cô - PTA v.v... (trừ tiền học phí), thì cần phải có sự xác nhận của hiệu trưởng.

6 NGẠCH CHU CẤP

- Tùy theo loại gia đình, khóa học của trường đang theo học và ngày phát sinh tình trạng kinh tế gia đình bị đột biến, mà ngạch phụ cấp sẽ khác nhau.
- Xin tham khảo「Trang xác nhận đối tượng được hỗ trợ và ngạch chu cấp」

- Ngạch chu cấp đối với 1 học sinh bậc Koko là đối tượng hỗ trợ (※)
- ※ Trường hợp kinh tế gia đình bị đột biến từ ngày 2 tháng 7 trở về sau, ngạch chu cấp dưới sẽ được chia ra từng tháng, và được cấp theo số tháng kể từ sau Ngày Chứng Nhận Quy Chuẩn

Loại gia đình		Khóa Chính Quy (Toàn thời) / Khóa Vừa Học Vừa Làm	Khóa Hàm Thụ	Khóa Chuyên Khoa
Có hay không, anh chị em đang được nuôi dưỡng, nằm trong độ tuổi trên 15 và dưới 23 tuổi?	Không	110,100 yên	48,500 yên	48,500 yên
	Có	141,700 yên		

7 GIẤY TỜ PHẢI NỘP

- Hãy nộp những giấy tờ có ghi trong (1) đến (8).
- Trước khi đem đi nộp, xin xác nhận xem đã ghi đầy đủ, hoặc có thiếu sót giấy tờ gì không.
- Nếu thiếu sót thì việc chu cấp có thể bị trễ nãi.

- (1) Đơn Xin Quỹ Hỗ Trợ Khuyến Học Dành Cho Học Sinh Bậc Koko (Kinh tế gia đình bị đột biến)(số 2 trong mẫu 1)
- (2) Giấy tờ xác nhận số tài khoản để chuyển khoản (bản copy sổ ngân hàng v.v.)
 - Xin nộp bản copy của sổ ngân hàng v.v. để chuyển khoản, khi đó xin chụp trang có ghi các chi tiết như: tên ngân hàng, tên chi nhánh, chủng loại (thông thường hay tiết kiệm), số tài khoản, tên đầy đủ người chủ tài khoản (viết bằng mẫu tự katakana)
 - ※ Thường thì các chi tiết này có ghi ở trang kế trang bìa.

(3) 保護者等の家計急変の発生事由を証明する書類(①は必須②は一部必須)

① 家計急変理由書(様式A)

② 様式Aの記載内容を確認するための書類(コピー可)

ア 申請理由① (給与所得者で離職・解雇) の場合

- ・ 離職票、雇用保険受給資格者証、解雇通告書のいずれか(必須)

※ 定年退職による離職は申請理由となりません。(支給対象外)

イ 申請理由② (個人事業者で事業の廃業) の場合

- ・ 廃業等届出、破産宣告通知書のいずれか(必須)

ウ 申請理由③ (給与所得者で収入減) の場合

- ・ 減額通知書等(会社から交付されている場合のみ)

エ 申請理由④ (個人事業者で収入減) の場合

- ・ 公的支援の受給証明書(収入減少があった者を対象とした公的支援を受けている場合のみ 例:持続化給付金や家賃支援給付金等の給付通知書)

オ 申請理由⑤ (親権者の離婚) の場合(必須)

- ・ 戸籍全部事項証明書(戸籍謄本)、戸籍個人事項証明書(戸籍抄本)、離婚届受理証明書

(4) 家計急変前の収入を証明する書類(①～③のいずれか)

① 令和3年度 市町村民税・県民税 課税証明書の原本又はコピー

② 令和3年度 市町村民税・県民税 特別徴収税額通知書のコピー

③ 令和3年度 市町村民税・県民税 税額決定・納税通知書のコピー

※ 保護者全員分の書類が必要です。

(5) 家計急変後の収入を証明する書類(①～③のいずれか)

- 家計急変後の収入を証明する書類として、①～③のいずれかの書類が必要です。

- 家計が急変した月と申請日の前月を含む連続した3か月分以上の証明が必要です。

(例1) 家計が急変した月: 5月 申請日: 7月10日 ⇒ 4月分～6月分

(例2) 家計が急変した月: 5月 申請日: 8月10日 ⇒ 5月分～7月分

- 令和3年度の住民税所得割が非課税である保護者の分は提出不要です。

① 給与所得者の場合(ア・イのいずれか)

ア 勤務先作成の給与見込(給与証明書(様式B)又は勤務先の様式)

※ 賞与の支給の有無と令和3年の賞与支給見込も記載してください。

イ 給与明細の写し + 令和3年分の賞与支給(見込)申出書(様式C)

※ 支給済の賞与がある場合は賞与明細の写しも添付してください。

(3) Giấy tờ minh chứng sự tình phát sinh tình cảnh kinh tế gia đình bị đột biến

(① là bắt buộc nộp ② là một số bắt buộc nộp)

① Tờ khai lý do kinh tế gia đình bị đột biến (mẫu văn A) (家計急変理由書) (様式A)

② Giấy tờ kiểm tra nội dung trong tờ khai mẫu văn A (Có thể nộp bản copy)

ア Lý do ① trường hợp (Là người ăn lương hằng và nghỉ việc/bị đuổi việc)

- Phải nộp 1 trong ba giấy tờ như sau **Phiếu nghỉ việc (離職票)**, **Thẻ Bảo Hiểm Thất Nghiệp (雇用保険受給資格者証)**, **Thông báo nghỉ việc (解雇通告書)**(**Bắt Buộc**)

※ Nếu nghỉ việc vì về hưu sẽ không là đối tượng.(ngoài đối tượng chu cấp)

イ Lý do ② trường hợp (Là người kinh doanh và bỏ nghề)

- Phải nộp 1 trong hai giấy tờ như sau **Thông tri tuyên cáo phá sản (破産宣告通知書)**, **Đơn trình báo rút lui hành nghề (廃業等届出)** (**Bắt Buộc**)

ウ Lý do ③ trường hợp(Là người ăn lương hằng và thu nhập bị sút giảm)

- **Đơn báo giảm tiền lương v.v.**(chỉ trong trường hợp hằng có phát đơn)

エ Lý do ④ trường hợp(Là người làm kinh doanh và thu nhập bị sút giảm)

- **Giấy minh chứng nhận trợ cấp công cộng** (chỉ trong trường hợp nhận trợ cấp dành cho những người thu nhập bị sút giảm. Ví dụ: đơn báo chu cấp nhận tiền chu cấp cho sự bền vững công ty và trợ cấp hỗ trợ tiền nhà v.v.)

オ Lý do ⑤ trường hợp (cha mẹ ly hôn) (**Bắt Buộc**)

- **Giấy chứng nhận tất cả các vấn đề liên quan đến Hộ tịch(Hộ tịch), Giấy chứng nhận những vấn đề liên quan đến cá nhân(Bản sao trích một phần của Hộ tịch), Giấy chứng minh chấp nhận đơn ly hôn**

(4) Giấy tờ minh chứng thu nhập trước khi kinh tế gia đình đột biến (một trong những giấy tờ sau①~③)

① Bản chính hoặc copy của Giấy chứng minh thuế khóa năm 2021 của thuế cư dân cấp thị xã và cấp tỉnh (市町村民税・県民税 課税証明書)

② Bản copy Phiếu Thông Báo Ngạch Thuế Trưng Thu Đặc Biệt của thuế cư dân cấp thị xã và cấp tỉnh năm 2021 (市町村民税・県民税 特別徴収税額通知書),

③ Bản copy Phiếu Thông Báo Nộp Thuế - Quyết Định Ngạch Thuế của thuế cư dân cấp thị xã và cấp tỉnh năm 2021 (市町村民税・県民税 税額決定・納税通知書).

※ Cần nộp giấy tờ của tất cả phụ huynh.

(5) Giấy tờ minh chứng thu nhập sau khi kinh tế gia đình đột biến (một trong những giấy tờ sau①~③)

- Để chứng minh thu nhập sau khi kinh tế gia đình đột biến, cần phải nộp một trong giấy tờ sau.

- Cần phải chứng minh 3 tháng trở lên gồm có tháng kinh tế gia đình đột biến và tháng nộp đơn.

(Ví dụ 1) tháng kinh tế gia đình đột biến : tháng 5 : ngày nộp đơn: ngày 10 tháng 7 ⇒ phần tháng 4 đến tháng 6

(Ví dụ 2) tháng kinh tế gia đình đột biến : tháng 5 : ngày nộp đơn: ngày 10 tháng 8 ⇒ phần tháng 5 đến tháng 7

- Phụ huynh được miễn thuế cư trú của năm 2021 không cần phải nộp.

① người nhận lương hằng(ア hoặc イ)

ア Dự kiến lương do nơi làm việc phát(Giấy minh chứng tiền lương (mẫu văn B) hoặc làm theo phong cách nơi làm việc)

※ Hãy nhớ ghi thông tin có phát tiền thưởng hay không và dự kiến tiền thưởng của năm 2021.

イ Bản sao phiếu lương + Đơn yêu cầu tiền thưởng (dự kiến) năm 2021 (mẫu văn C)

※ Hãy nộp kèm bản sao phiếu thưởng nếu đã nhận tiền thưởng.

② 個人事業者の場合(ア・イのいずれか)

ア 税理士又は公認会計士の作成した証明書類

イ 収入申告書(様式D)

※ 必要経費内訳のわかるものの写しを添付してください。

③ 離職・解雇・廃業により家計急変後の収入がない場合

離職・解雇・廃業により収入がないことを様式Aの申立欄に記載してください。

(6) 保護者等の扶養親族の人数・年齢を確認するための書類 (①②必須)

① 扶養誓約書(様式E)

※ 扶養者1名ごとに1枚作成してください。

(例) 4人世帯で父が第1子を扶養、母が第2子を扶養している場合⇒父で1枚、母で1枚

② 様式Eの記載内容を確認するための書類 (ア～ウのいずれか)

ア 扶養親族分の健康保険証のコピー

イ 扶養親族の記載が省略されていない課税証明書(コピー可)

※ (4)で提出した書類で確認できる場合は、重複して提出する必要はありません。

ウ 令和2年分の源泉徴収票のコピー

(7) 対象となる高校生等の健康保険証のコピー

● (6)の②で健康保険証を提出する場合、重複して提出する必要はありません。

(8) 兄弟姉妹の健康保険証のコピー (次の条件に該当する場合のみ)

● 認定基準日現在、対象となる高校生等以外に、15歳(中学生を除く。)以上23歳未満の兄弟姉妹を申請者が扶養している場合は提出してください。

● (6)の②で健康保険証を提出する場合、重複して提出する必要はありません。








健康保険証のコピーは、保険者番号及び被保険者等記号・番号を黒塗りし、読み取れない状態にして提出してください。

- ② các hộ làm kinh doanh tư nhân (ア hoặc イ)
- ア Các giấy tờ được thực hiện bởi Nhân Viên Tư Vấn Thuế Vụ - Kế Toán hoặc Nhân Viên Kiểm Toán có đăng ký
- イ Đơn khai báo thu nhập (mẫu văn D)
- ※ Hãy nộp đơn có ghi rõ về phân chia các chi phí cần thiết.
- ③ Trong trường hợp không có thu nhập sau kinh tế gia đình đột biến do nghỉ việc/đuổi việc/bỏ nghề
- Hãy ghi không có thu nhập do nghỉ việc /đuổi việc /bỏ nghề vào **cột kiến nghị của bản mẫu văn A.**
- (6) Giấy tờ để xác nhận số người và độ tuổi của những người phụ thuộc kinh tế trong gia đình của phụ huynh (cả 2 loại giấy tờ: ① và ② điều bắt buộc phải nộp)
- ① Bản lời thề về sự phụ thuộc (mẫu văn E)
- ※ Hãy làm mỗi người phụ thuộc kinh tế một tờ.
- (Ví dụ) trường hợp hộ gia đình 4 người và con đầu phụ thuộc kinh tế vào cha, đứa con thứ hai phụ thuộc kinh tế vào mẹ ⇒ cha làm một bản, mẹ làm một bản
- ② Giấy tờ nhận xét nội dung ghi trong văn mẫu văn E (một trong sau)
- ア Bản copy thẻ Bảo Hiểm Sức Khỏe, phần của những người phụ thuộc kinh tế gia đình,
- イ Giấy chứng minh thuế khóa ghi đầy đủ những người phụ thuộc kinh tế gia đình. (copy cũng được)
- ※ Trong trường hợp có thể xác nhận bằng những giấy tờ nộp ở (4), thì không cần phải nộp thêm
- ウ Copy đơn khấu trừ tại nguồn đối với tiền lương của năm 2020
- (7) Bản copy thẻ Bảo Hiểm Sức Khỏe của học sinh bậc Koko - đối tượng hỗ trợ
- Nếu đã nộp Bảo Hiểm Sức Khỏe ở câu (6) mục ②, thì không cần nộp trùng lặp ở đây.
- (8) Bản copy thẻ Bảo Hiểm Sức Khỏe của anh-chị-em (chỉ ứng vào trường hợp sau)
- Tính ở thời điểm Ngày Chứng Nhận Quy Chuẩn, ngoài học sinh bậc Koko đối tượng hỗ trợ, khi người làm đơn còn đang nuôi dưỡng anh-chị-em khác, có độ tuổi từ 15 tuổi trở lên (trừ học sinh chugakusei) và chưa đến 23 tuổi, thì mới phải nộp.
 - Nếu đã nộp Bảo Hiểm Sức Khỏe ở câu (6) mục ②, thì không cần nộp trùng lặp ở đây.

Hãy tô màu đen vào các thông tin như số và biểu tượng của công ty bảo hiểm và người được bảo hiểm trong bản copy của thẻ bảo hiểm sức khỏe và nộp chúng với tình trạng không thể đọc được các thông tin đó.

こうこうせいとうしょうがくきゅうふきん かけいきゅうへんせたいたいしょう たいしょうしゃおよ ぎゅうふがくかくにん
高校生等奨学給付金(家計急変世帯対象) 対象者及び給付額確認シート

Quỹ Khuyến Học Dành Cho Học Sinh Koko (Chu cấp cho các đối tượng thuộc hộ có tình cảnh kinh tế gia đình bị đột biến) Bản Xác Nhận Đối Tượng Chu Cấp và Ngạch Chu Cấp

- Q 1. 認定基準日現在、保護者の方は神奈川県内にお住まいですか？
Có phải người bảo hộ hiện đang sinh sống trong tỉnh Kanagawa, tính ở thời điểm Ngày Chứng Nhận Quy Chuẩn?
Phải→Q 2、Không→A 1

- Q 2. 認定基準日現在、高校生等は学校に在籍していますか？
Có phải học sinh Koko hiện đang trong danh sách học sinh của một trường, tính ở thời điểm Ngày Chứng Nhận Quy Chuẩn?
Phải→Q 3、Không→A2

- Q 3. 認定基準日現在、高校生等は生活保護（生業扶助）を受けていますか？
Có phải các học sinh koko v.v. hiện đang nhận trợ cấp xã hội (Hỗ trợ sinh kế - nghề nghiệp), tính vào thời điểm Ngày Chứng Nhận Quy Chuẩn?
Phải→A3、Không→Q 4

- Q 4. 保護者全員の令和3年度の都道府県民税所得割額と市町村民税所得割額の合算額は0円（非課税）ですか？
Có phải tất cả những người bảo hộ có mức thuế là 0 yen (miễn thuế) ở tài khóa 2021, dựa trên "Mức thuế cư trú của Thủ đô - Đạo - Phủ - Tỉnh tính theo thu nhập và Mức thuế cư trú của Thị Xã - Thôn tính theo thu nhập" ?
Phải→A3、Không→Q 5

- Q 5. 家計急変により保護者全員の年収見込が非課税相当となりましたか？
Liệu thu nhập dự kiến hàng năm của tất cả các bậc cha mẹ có được miễn thuế do thu nhập hộ gia đình thay đổi đột ngột không?
Phải→Q 6、Không→A2

- Q 6. 通信制または専攻科の高校生等はいますか？
Có học sinh bậc Koko đang theo học Khóa Hàm Thu hoặc Khóa Chuyên Khoa, hay không?
Có→A4、Không→Q 7

- Q 7. 高校生等以外に15歳（中学生を除く。）以上23歳未満の扶養されている兄弟姉妹がいますか？
Trừ học sinh Koko ra, có anh chị em nào đang được nuôi dưỡng, và có độ tuổi trên 15 (không kể học sinh trung học cấp I / Chu gakko) hoặc dưới 23 không ?
Có→A5、Không→Q 8

- Q 8. 2人以上の高校生等がいますか？
Có hơn 2 người học sinh Koko không ?
Có→A6、Không→A7

A1. 都道府県ごとに制度が異なりますので、お住まいの都道府県にお問合せください。

Xin cấp tốc hỏi tại địa phương mình đang sinh sống (cấp hành chính To-Do-Fu-Ken), vì thời hạn nộp đơn của từng địa phương sẽ không giống nhau.

A2. 対象外です。Không thỏa điều kiện。

A3. 家計急変世帯に該当しますが、通常給付の申込が可能※です。

※生活保護世帯は、令和3年7月1日現在、生活保護（生業扶助）を受けている場合に限りです。

Không đúng tiêu chuẩn là hộ có tình hình kinh tế gia đình đột biến, tuy nhiên, vẫn có thể làm※ đơn xin theo cách thức thông thường.

※ Các hộ nhận trợ cấp là chỉ trong trường hợp nhận trợ cấp tại thời điểm hiện tại ngày 1 tháng 7 năm 2021.

A4. 通信制・専攻科の高校生等については「通信制」「専攻科」の給付額です。

国公立 48,500円 私立 50,100円

Về học sinh Koko theo khóa trình hàm thụ hoặc Khóa Chuyên Khoa, thì gọi là Ngạch phụ cấp hàm thụ. Trường công = 48,500 yen Trường tư = 50,100 yen

通信制・専攻科以外の高校生等がいる場合は「非課税世帯・第2子」の給付額です。

国公立 141,700円 私立 150,000円

Trường hợp có một học sinh Koko ngoài khóa trình hàm thụ hoặc Khóa Chuyên Khoa, là ngạch phụ cấp dành cho [Gia Đình Miễn Thuế・ người con thứ 2].

Trường công = 141,700 yen Trường tư = 150,000 yen

A5. 「非課税世帯・第2子」の給付額です。国公立 141,700円 私立 150,000円

Là ngạch phụ cấp dành cho [Gia Đình Miễn Thuế・ người con thứ 2].

Trường công = 141,700 yen Trường tư = 150,000 yen

A6. 1人目の高校生等は「非課税世帯・第1子」の給付額です。

国公立 110,100円 私立 129,600円

Học sinh Koko thứ nhất, thì sẽ là ngạch phụ cấp dành cho [Gia Đình Miễn Thuế・ người con thứ nhất]. Trường công = 110,100 yen Trường tư = 129,600 yen

2人目以降の高校生等は「非課税世帯・第2子」の給付額です。

国公立 141,700円 私立 150,000円

Trường hợp có học sinh Koko thứ 2 trở đi thì gọi là ngạch phụ cấp dành cho [Gia Đình Miễn Thuế・ người con thứ 2]. Trường công = 141,700 yen Trường tư = 150,000 yen

A7. 「非課税世帯・第1子」の給付額です。国公立 110,100円 私立 129,600円

Là ngạch phụ cấp dành cho [Gia Đình Miễn Thuế・ người con thứ nhất].

Trường công = 110,100 yen Trường tư = 129,600 yen

◆ 上記の単価は年額の例です。7月2日以降に家計急変した場合は、認定基準日以降の月数に応じた月割額となりますので上記の単価とは異なります。

◆ Đơn giá ghi ở trên là một ví dụ ngạch chu cấp một năm. Trường hợp kinh tế gia đình bị đột biến từ ngày 2 tháng 7 trở về sau, ngạch chu cấp đó sẽ được chia ra từng tháng, và được cấp theo số tháng kể từ sau Ngày Chứng nhận Quy Chuẩn, do đó đơn giá ghi ở trên sẽ khác đi.